TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Ông Nguyễn Kiên Hiển.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Linh Nhi – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 29/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2025/QĐXXST-DS ngày 17/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2025/QĐST-DS ngày 10/4/2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;
Trụ sở: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp: Ông Lư Quốc C;
Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy uỷ quyền số 0104/2025/GUQ-PGDCBC ngày 01/4/2025).

(Có đơn xét xử vắng mặt)

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980;
Địa chỉ: 704/37A NĐC, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 30/01/2024, Bà Nguyễn Thị N (nay gọi tắt là bà N) và Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Bình Chánh – PGD Chợ Bình Chánh (gọi tắt là Ngân hàng) thỏa thuận ký kết hợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Sau khi được cấp thẻ, bà N đã thực hiện các giao dịch và dư nợ hiện tại là 65.864.701 đồng. Do Bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18, Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng) toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 13/12/2024, bà N cần phải thanh toán các khoản nợ là: 65.864.701 đồng. Trong đó, dư nợ gốc là 56.479.001 đồng và lãi quá hạn là 9.386.700 đồng

Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, làm việc trực tiếp để yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời tạo điều kiện về mặt thời gian để bà N trả nợ. Tuy nhiên, bà N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng đề nghị Toà án giải quyết buộc bà N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến thời điểm ngày 21/10/2024 là 65.864.701 đồng và và bà N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/12/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Buộc bà N chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng (nếu có).

Bị đơn bà N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

[3] Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà N thanh toán tiền nợ sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hang và các khoản lãi phát sinh nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Do bị đơn bà N có địa chỉ tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về tố tụng*:

[6] Bị đơn bà N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[7] Xét, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký ngày 30/01/2024 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 để giải quyết.

[8] *Về yêu cầu của đương sự*:

[9] Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà N thanh toán tiền nợ sử dụng thẻ tín dụng là 65.864.701 đồng, trong đó tổng dư nợ gốc là 56.478.001 đồng, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 13/12/2024 là 9.386.700 đồng.

[10] *Về nợ gốc*:

[11] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 30/1/2024; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thể hiện bà N đã đăng ký sử dụng thẻ tín dụng có hạn mức của Ngân hàng thương mại cổ phần S và đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng.

[12] Căn cứ thỏa thuận hợp đồng tín dụng và bảng Tóm tắt sao kê đối với Nguyễn Thị N, có cơ sở xác định cho đến nay tổng dư nợ gốc mà bà N còn nợ của Ngân hàng là 56.478.001 đồng.

[13] *Về nợ lãi*:

[14] Tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định về việc chuyển nợ quá hạn như sau:

"*Việc không thanh toán ít N số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng số dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán*."

[15] Tại Khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng*", ngoài ra tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Vì Ngân hàng có chức năng hoạt động tín dụng nên lãi suất sẽ do thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng nên nguyên đơn căn cứ vào lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ để tính lãi là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng.

[16] Xét, do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà N trả tiền lãi tính đến ngày 13/12/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 30/01/2024 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là 9.386.700 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, buộc bị đơn bà N phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 13/12/2024 là 65.864.701 đồng.

[18] *Về thời hạn thanh toán*: tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;…*" nên yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng buộc bị đơn bà N có nghĩa vụ trả tiền nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[19] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên yêu cầu của Nguyên đơn là bà N phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng nên mức án phí bị đơn bà N phải chịu là 3.293.235 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng số tiền 1.646.618 đồng theo biên lai thu số 0059557 ngày 23/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 13/12/2024 là 65.864.701 đồng, trong đó dư nợ gốc là 56.479.001 đồng và tiền lãi quá hạn là 9.386.700 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày 14/12/2024 bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tương ứng với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 30/01/2024; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị N phải chịu là 3.293.235 đồng.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 1.646.618 đồng theo biên lai thu số 0059557 ngày 23/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S, bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Anh